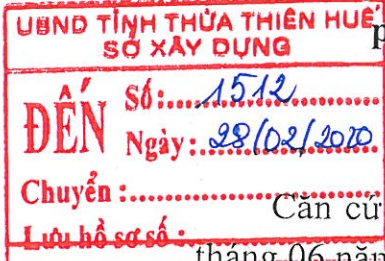


Số: 547 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Lâm viên Huế,
phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng-06-năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Quy định về phân công, phân cấp

và ủy quyền công tác quy hoạch xây dựng - kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Lâm Viên Huế, phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 358/TTr-SXD và Báo cáo thẩm định số 357/TĐ-SXD ngày 17 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Lâm Viên Huế, phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi nghiên cứu

Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc địa bàn phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đường quy hoạch lộ giới 19,5m thuộc Quy hoạch phân khu xây dựng khu Quần thể sân golf – Làng du lịch sinh thái phong cảnh Việt Nam;
- Phía Tây giáp ranh giới Khu chứng tích Chín Hầm;
- Phía Nam tiếp giáp ranh giới điều chỉnh Khu A - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế;
- Phía Bắc tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 19,5m và Trung tâm Văn hóa Huyện Trân.

2. Quy mô khu vực lập quy hoạch

- Quy mô nghiên cứu: Khoảng 30ha kết nối với các khu vực lân cận như trung tâm văn hóa Huyện Trân, Học viện Phật Giáo Việt Nam tại Huế và khu di tích chứng tích lịch sử Chín Hầm.
- Quy mô lập quy hoạch: Khoảng 16,79ha.

3. Tính chất

- Là khu công viên trồng các giống cây, loại hoa đặc trưng của Huế và các loại cây nhiệt đới.
- Là trung tâm kết nối tổ chức sự kiện lễ hội hoa Mai Huế hằng năm; Là địa điểm tham quan, dã ngoại và diễn ra các hoạt động văn hóa, lễ hội đặc trưng của thành phố Huế.

4. Phân khu chức năng

Khu vực quy hoạch được phân thành các khu chức năng chính, bao gồm:

a) Khu công trình dịch vụ công cộng (tổng diện tích khoảng 11.647m²), bao gồm các phân khu:

- Khu quảng trường văn hóa, lễ hội;
- Khu nhà điều hành, đón tiếp, triển lãm;
- Khu dịch vụ thương mại.

b) Khu vườn chủ đề, cây xanh cảnh quan (tổng diện tích khoảng 116.575m²), bao gồm các phân khu:

- Khu vườn chim;
- Khu vườn bướm;
- Khu nhà kính trồng hoa;
- Khu vườn cây cảnh quan;
- Khu trồng rừng;
- Đất cây xanh cảnh quan.

c) Khu hạ tầng kỹ thuật và khu phụ trợ (khoảng 4.090m²);

d) Đất mặt nước (khoảng 15.543m²);

e) Hệ thống đường giao thông (khoảng 20.069m²).

5. Cơ cấu sử dụng đất

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)
1	Đất công trình dịch vụ	11.647,5	6,94	25,9	3.022,3	01
1.1	Đất quảng trường	4.676,4	2,78	5,0	233,8	01
	+ Đất quảng trường 01	4.167,7	2,48	5,0	208,4	01
	+ Đất quảng trường 02	508,7	0,30	5,0	25,4	01
1.2	Đất nhà quản lý, điều hành, triển lãm	3.224,8	1,92	40,0	1.289,9	01
1.3	Đất công trình dịch vụ	3.746,3	2,23	40,0	1.498,5	01
2	Đất vườn chủ đề, cây xanh cảnh quan	116.575,3	69,42	6,7	7.781,7	01
2.1	Đất vườn chim	3.497,4	2,08	25,0	874,4	01
2.2	Đất vườn bướm	2.344,6	1,40	25,0	586,2	01
2.3	Đất nhà kính trồng hoa	3.922,8	2,34	25,0	980,7	01
2.4	Đất vườn cây cảnh quan	19.585,0	11,66	5,0	979,3	01
	+ Đất vườn 9 địa phương	6.374,7	3,80	5,0	318,7	01
	+ Đất vườn cây - vườn tượng danh nhân	3.047,0	1,81	5,0	152,4	01

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)
	+ Đất vườn cây ăn quả	8.671,3	5,16	5,0	433,6	01
	+ Đất vườn thảo mộc	1.492,0	0,89	5,0	74,6	01
2.5	Đất trồng rừng	50.276,0	29,94	5,0	2.513,8	01
	+ Đất rừng mai	9.237,7	5,50	5,0	461,9	01
	+ Đất rừng thông	7.748,5	4,61	5,0	387,4	01
	+ Đất rừng tre trúc 01	6.173,0	3,68	5,0	308,7	01
	+ Đất rừng tre trúc 02	4.770,6	2,84	5,0	238,5	01
	+ Đất rừng cây hỗn hợp	22.346,2	13,31	5,0	1.117,3	01
2.6	Đất cây xanh cảnh quan	36.949,5	22,00	5,0	1.847,5	01
3	Đất kỹ thuật và phụ trợ	4.090,0	2,44	9,0	367,7	01
3.1	Đất bãi đỗ xe	2.986,3	1,8	5,0	149,3	01
	+ Đất bãi đỗ xe 01	1.334,7	0,79	5,0	66,7	01
	+ Đất bãi đỗ xe 02	1.651,6	0,98	5,0	82,6	01
3.2	Đất hạ tầng kỹ thuật	287,8	0,17	5,0	14,4	01
3.3	Đất khu phụ trợ	815,9	0,49	25,0	204,0	01
4	Đất mặt nước	15.543,1	9,26			
5	Đất giao thông	20.068,5	11,95			
5.1	Đất giao thông đối ngoại	3.626,4	2,16			
5.2	Đất giao thông nội bộ (đường xe điện, đường dạo bộ)	16.442,1	9,79			
Tổng		167.924,4	100,00	6,5	10.953,3	01

6. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

Bố cục không gian kiến trúc toàn khu du lịch trên cơ sở khai thác yếu tố cảnh quan tự nhiên, tận dụng tối đa điều kiện địa hình và tránh tác động đến mức thấp nhất đối với hệ sinh thái nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường, cảnh quan khu vực. Mỗi khu chức năng bố trí các công trình kiến trúc có quy mô nhỏ, mật độ xây dựng thấp, xen lẫn, hài hòa với đặc điểm địa hình, khai thác tối đa tầm nhìn hướng về hồ nước, quảng trường trung tâm, các không gian mở và được kết nối với nhau thông qua hệ thống đường quy hoạch mới.

Các khu chức năng chính được bố trí như sau:

a) Khu công trình dịch vụ công cộng, bao gồm:

- Khu quảng trường văn hóa, lễ hội: Là quảng trường tiếp đón khách du lịch, tổ chức các lễ hội,...; được bố trí tại khu vực lõi vào chính của khu quy hoạch. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 5\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng;

- Khu nhà điều hành, đón tiếp, triển lãm: Là khu đón tiếp, dịch vụ, quản lý, điều hành, giới thiệu, cung cấp thông tin cho du khách,...; được bố trí xung quanh khu vực quảng trường văn hóa lễ hội, tiếp giáp với hồ nước cảnh quan. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 40\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng;

- Khu dịch vụ thương mại: Là khu nhà hàng, cafe giải khát phục vụ nhu cầu của du khách; được bố trí tại khu vực trung tâm của khu quy hoạch, tiếp giáp hồ nước cảnh quan. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 40\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng.

b) Khu vườn chủ đề, cây xanh cảnh quan, bao gồm:

- Khu vườn chim: Là nơi nuôi ấp, trưng bày các loại chim quý của địa phương và trên thế giới, phục vụ nhu cầu tham quan, học tập, nghiên cứu khoa học; được bố trí tại khu đồi cao phía Tây Bắc của khu vực lập quy hoạch. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 25\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng;

- Khu vườn bướm: Là nơi sưu tầm, trưng bày các loại bướm đẹp, quý hiếm, phù hợp với khí hậu Huế, phục vụ nhu cầu tham quan, học tập, nghiên cứu; được bố trí tại khu đồi cao phía Tây khu vực lập quy hoạch, gần với khu vườn chim. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 25\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng;

- Khu nhà kính trồng hoa: Là nơi áp dụng các tiến bộ khoa học để ươm trồng các giống hoa quý của địa phương, các loài hoa lạ trên thế giới phục vụ nhu cầu tham quan của du khách, quảng bá nét đẹp đặc trưng của địa phương; được bố trí tại khu đồi cao phía Nam khu vực lập quy hoạch. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 25\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng;

- Khu vườn cây cảnh quan: Là các khu vườn được bố trí theo các chủ đề đặc trưng và đa dạng bao gồm: vườn 9 địa phương, vườn cây - vườn tượng danh nhân, vườn cây ăn quả, vườn thảo mộc; được bố trí tập trung thành từng cụm, đảm bảo kết nối với các khu chức năng khác. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 5\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng;

- Khu trồng rừng: Gồm các loại rừng thông, rừng tre trúc, rừng mai, rừng cây hỗn hợp,... kết hợp hệ thống đường dạo bộ, điểm dừng chân, chòi ngắm cảnh, nơi cắm trại,... cho du khách; bố trí phân tán trong toàn khu vực lập quy hoạch. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 5\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng;

- Đất cây xanh cảnh quan: Là không gian cảnh quan cây xanh, được thiết kế trên cơ sở tận dụng tối đa địa hình và cảnh quan tự nhiên, liên kết hài hòa các

khu chức năng bằng hệ thống đường dạo, đường đi bộ, không gian mở. Mật độ xây dựng tối đa $\leq 5\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng.

c) Khu hạ tầng kỹ thuật và khu phụ trợ: bao gồm các bãi đỗ xe kết hợp với hệ thống giao thông được bố trí thuận tiện cho du khách đến tham quan, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn. Mật độ xây dựng khu phụ trợ tối đa $\leq 25\%$; Mật độ xây dựng các khu hạ tầng kỹ thuật và bãi đỗ xe $\leq 5\%$; Chiều cao xây dựng 01 tầng.

d) Mặt nước: gồm hệ thống hồ cảnh quan kết hợp các hoạt động nhạc nước, tổ chức chợ hoa nổi, trồng cây thủy sinh,..., hồ sen, hồ cá chép kết hợp chòi thủy tạ, tạo nên cảnh quan đặc trưng riêng có của không gian văn hóa Huế.

* Quy định về chỉ giới xây dựng:

- Lùi $\geq 6,0m$ so với chỉ giới đường đỏ đối với các công trình chính.
- Lùi $\geq 3,0m$ so với chỉ giới đường đỏ đối với các công trình phụ trợ.
- Đối với công trình tiếp giáp hồ nước: Việc triển khai đầu tư xây dựng công trình đối với khu vực này phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan (khuyến khích chỉ giới xây dựng lùi $\geq 6,0m$ so với mép hồ).

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch san nền:

- Giải pháp thiết kế: Tận dụng tối đa nền địa hình tự nhiên kết hợp với các giải pháp tổ chức công trình nhằm hạn chế tối đa đào đắp. Các tuyến đường giao thông trong dự án được thiết kế bám sát nền địa hình tự nhiên, độ dốc dọc tối đa các tuyến đường $\leq 10\%$ (thiết kế theo đường cấp IV khu vực miền núi). Khu vực xây dựng công trình tùy theo địa hình khu vực để có giải pháp san gạt hợp lý.

- Cao độ nền xây dựng khu vực thấp nhất là $+21,0m$, cao nhất là $+44,5m$.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Giải pháp thiết kế: Tận dụng tối đa các vệt tụ thủy để tổ chức thoát nước cho các khu chức năng từ trên núi. Hệ thống thoát nước mưa sử dụng rãnh nắp đan bê tông cốt thép có xếp sỏi bên trên nhằm lọc nước mưa trước khi thu vào rãnh. Hệ thống rãnh được bố trí tại chân taluy âm tiếp giáp mép đường để thoát nước cho đô thị, tránh xói lở taluy, nền đường, đảm bảo an toàn cho công trình.

- Đối với các vệt tụ thủy: Có giải pháp gia cố, khơi thông các vệt tụ thủy nhằm đảm bảo dòng chảy, tránh sạt lở. Vật liệu gia cố bằng xếp đá cuội, đá khan hoặc bằng các vật liệu thân thiện với môi trường.

c) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Các đường quy hoạch lộ giới $19,5m$ tiếp giáp ranh giới phía Đông và phía Tây Bắc khu vực lập quy hoạch.

- Giao thông nội bộ: Các tuyến đường nội bộ không cho phép các phương tiện cơ giới đi vào, chỉ sử dụng xe điện, các xe chuyên dụng, xe đạp và đi bộ. Hai bên trồng cây xanh và hệ thống taluy gia cố mái cỏ, thân thiện với môi trường.

+ Tuyến đường nội bộ có lộ giới rộng 5,5 m (mặt cắt 1-1);

+ Tuyến đường nội bộ có lộ giới rộng 4,5 m (mặt cắt 2-2);

+ Tuyến đường dạo bộ có lộ giới rộng 3,0 m (mặt cắt 3-3);

+ Tuyến đường dạo bộ có lộ giới rộng 2,0 m (mặt cắt 4-4).

- Bãi đỗ xe: Bố trí 02 bãi đỗ xe tập trung cho các phân khu chức năng gần các trục giao thông chính với tổng diện tích khoảng 3.000m².

d) Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước khoảng 191.91m³/ng.đ.

- Nguồn nước cấp cho khu quy hoạch được lấy từ mạng lưới cấp nước khu vực, thông qua đường ống truyền dẫn đầu nối tại tuyến đường hiện trạng phía Bắc của dự án.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Trong khu vực dự án được cấp nước thông qua mạng lưới đường ống có đường kính Ø110 truyền dẫn, phân phối dọc theo các đường quy hoạch.

+ Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp mạng nhánh đảm bảo bao trùm hết các khu chức năng trong toàn khu quy hoạch và cấp đến chân công trình.

+ Xây dựng tuyến ống phân phối khu vực Ø110mm nối với nhau thành mạng vòng để đảm bảo công suất và áp lực cho các đối tượng dùng nước.

+ Các tuyến ống dịch vụ đường kính Ø50mm rẽ nhánh từ tuyến ống Ø110mm cấp cho các công trình dịch vụ.

+ Độ sâu chôn ống tối thiểu cách mặt đất 0,7m (tính đến đỉnh ống) đối với ống phân phối và tối thiểu 0,3m đối với ống dịch vụ.

+ Mạng lưới truyền dẫn và phân phối sử dụng ống gang, ống nhựa hoặc ống thép, các tuyến ống dịch vụ sử dụng ống thép tráng kẽm hoặc ống nhựa HDPE.

+ Xây dựng các hố van tại các điểm giao cắt với các tuyến ống $\geq \text{Ø}110\text{mm}$.

+ Các tuyến ống cấp cho các đối tượng dùng nước phải có đồng hồ đo nước để dễ quản lý và tiết kiệm nước.

- Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy: Bố trí họng cứu hỏa trên tuyến ống cấp nước có đường kính ống $\geq \text{Ø}110\text{mm}$ với khoảng cách giữa các họng cứu hỏa từ 120 - 150m, đảm bảo áp lực, lưu lượng theo quy định. Hệ thống cấp nước cứu hỏa phải được cảnh sát PCCC thẩm định, phê duyệt trước khi triển khai.

d) Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của toàn khu vực quy hoạch 286,20 KVA.

- Nguồn điện: Nguồn điện cho khu vực quy hoạch được lấy lưới điện 22KV đi qua dự án.

+ Lưới điện trung áp: Xây dựng các tuyến cáp ngầm mới cấp điện áp 22KV đầu nối từ tuyến 22KV bố trí dọc theo tuyến đường hiện trạng phía Bắc. Sơ đồ lưới điện trung áp 22KV là sơ đồ rẽ nhánh mạch kép. Cáp trung áp sử dụng là cáp ngầm lõi đồng CU/XLPE/PVC (3x240+1x120) đảm bảo chất lượng và an toàn.

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 22/0,4KV, các gam máy biến áp: 400KVA. Các trạm biến áp sử dụng loại trạm kios hợp khối, trạm trụ hoặc trạm xây có màu sắc phù hợp với các công trình xung quanh và bố trí được tại trung tâm phân vùng phụ tải để giảm tổn thất điện áp.

+ Lưới điện hạ áp 0,4 KV: Kết cấu lưới 0,4 KV chủ yếu theo mạng hình tia. Trên cơ sở các trạm 22/0,4KV, thiết kế các tuyến cáp hạ thế 0,4KV đi ngầm trong hào cáp bố trí trên hè của các tuyến đường quy hoạch dẫn điện từ trạm 22/0,4kv đến các tủ điện hạ áp cấp điện cho từng phụ tải dùng điện. Mạng lưới 0,4KV dùng cáp ngầm lõi đồng CU/XLPE/PVC tiết diện (3x35+1x25mm). Bán kính phục vụ mạng lưới hạ thế đảm bảo $\leq 350 - 400m$.

+ Lưới điện chiếu sáng: Mạng lưới chiếu sáng được bố trí đi ngầm, riêng rẽ với đường dây 0,4KV và 22KV. Nguồn cấp điện cho chiếu sáng lấy từ các trạm hạ áp trong từng khu vực. Cáp điện chiếu sáng sử dụng là cáp ngầm lõi đồng CU/XLPE/PVC tiết diện 3x16mm+1x10mm.

- Hệ thống chiếu sáng đường giao thông, chiếu sáng sân bãi, công viên và tiểu cảnh, quảng trường được thiết kế phù hợp với cảnh quan môi trường, tạo ra được các điểm nhấn cho các khu chức năng của khu vực lập quy hoạch.

e) Quy hoạch thoát nước thải và thu gom chất thải rắn:

- Thoát nước thải:

+ Tính toán lưu lượng: Tiêu chuẩn tính toán công trình công cộng 100% lượng nước cấp. Tổng lượng nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 41,68 m³/ngđ.

+ Nguyên tắc và giải pháp thiết kế: Xây dựng hệ thống công thoát nước thải riêng với nước mưa gồm các tuyến cống D200mm, dọc theo các tuyến đường quy hoạch, thu gom nước thải của các công trình đầu nối với các tuyến cống thoát nước thải sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải ở phía Tây và Đông của dự án để xử lý. Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải với công suất 15m³/ngđ và 35m³/ngđ. Mạng lưới thoát nước thải riêng với thoát nước mưa. Đường cống thoát nước tự chảy sử dụng ống nhựa U-PVC có đường kính D200. Đường ống

thoát nước thải có áp sử dụng ống nhựa HDPE. Ga thăm trên mạng lưới được đổ bê tông cốt thép và sử dụng nắp ga composite.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Tổng lượng rác thải rắn phát sinh toàn khu khoảng 1,8 tấn/ngđ.

+ Giải pháp thu gom: Chất thải rắn được xe thu gom của thành phố thu gom trong ngày và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của khu vực. Chất thải rắn được phân loại tại nguồn thành tối thiểu 02 loại, bao gồm chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ. Chất thải rắn hữu cơ thu gom hàng ngày. Chất thải rắn vô cơ định kỳ thu gom. Chất thải rắn được thu gom tại các khu đất hạ tầng kỹ thuật và được vận chuyển đến khu vực xử lý chung đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nhà vệ sinh công cộng:

+ Bố trí trong khu vực dải cây xanh dọc theo các tuyến tham quan. Vị trí và số lượng cụ thể được xác định trong giai đoạn lập dự án.

+ Nước thải của các nhà vệ sinh công cộng được thu gom theo hệ thống thoát nước thải riêng và chất thải phải được xử lý tại chỗ đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định về quản lý chất thải rắn.

f) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Xây dựng mạng lưới hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông với việc sử dụng công nghệ hiện đại nhất để phục vụ du khách. Hệ thống cáp, hộp nối được bố trí đi ngầm trong hệ thống công, bể để đảm bảo chất lượng thông tin, mỹ quan và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Bảo vệ địa hình, cảnh quan: Hạn chế tối đa việc đào đắp, bảo vệ cảnh quan tự nhiên, đồng thời tăng cường trồng cây xanh theo quy hoạch để bảo vệ cảnh quan môi trường, cảnh quan thiên nhiên của khu vực.

- Bảo vệ môi trường nguồn nước: Nước thải phải được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường trước khi xả vào các nguồn nước.

- Xử lý chất thải rắn: Bố trí đủ các thùng rác tại các vị trí thích hợp. Chất thải rắn sinh hoạt hằng ngày phải được thu gom vận chuyển đến khu vực tập kết rác chung của khu vực, sau đó được chuyển về khu xử lý rác, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Ngoài những giải pháp nêu trên, việc triển khai dự án theo quy hoạch được phê duyệt phải có các giải pháp bảo vệ môi trường không khí và tiếng ồn, tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường hiện hành.

9. Các hạng mục ưu tiên đầu tư

- Thực hiện giải phóng mặt bằng, lập các thủ tục về triển khai dự án đầu tư xây dựng, ưu tiên triển khai trồng các loại cây đặc trưng để tạo cảnh quan.

- Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông chính và giao thông phân khu vực, đặc biệt là mở rộng tuyến đường kết nối với khu vực trung tâm thành phố Huế đảm bảo lộ giới 19,5m để phục vụ du lịch.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Sở Xây dựng, UBND thành phố Huế và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Xây dựng phối hợp với UBND thành phố Huế hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; đồng thời chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định (bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND thành phố Huế và UBND phường An Tây).

3. Sở Xây dựng lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31/3/2020.

4. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt phải được UBND thành phố Huế tổng hợp, trình Sở Xây dựng thẩm định trước khi báo cáo UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND thành phố Huế; Chủ tịch UBND phường An Tây và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu VT, QHXT.



Phan Ngọc Thọ